TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CAO NGẠN - TKV
Số: 1093 /QĐ-CNPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp
Gói cung cấp: Thuê ngoài dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp giai đoạn 2027-2028

GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CAO NGẠN - TKV

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực - TKV về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực - TKV;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2027 - 2028 của Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV;

Căn cứ Báo cáo thẩm định dự toán ngày 29/10/2026 của Tổ thẩm định;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán gói cung cấp "*Thuê ngoài dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp giai đoạn 2027 - 2028*" với những nội dung chính sau:

1. Nội dung công việc: Thuê dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp cho CBCNV của Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV.

2. Giá trị dự toán (đã bao gồm thuế VAT 8%) là: 9.259.049.488 đồng *(Bằng chữ: Chín tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng).*

(Chi tiết như Phụ lục 01 đính kèm)

3. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh.

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp "*Thuê ngoài dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp giai đoạn 2027 - 2028*".

(Nội dung chi tiết như Phụ lục 02 đính kèm).

Điều 3. Các ông (bà) Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các phòng nghiệp vụ có liên quan của Công ty theo chức năng nhiệm vụ căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Phòng KTTC, TCHC, KHĐTVT;
- Lưu: VT, NTG (04b).

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0104297034-003-C.T.C.P. CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CAO NGẠN - TKV CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP P. QUAN TRIỀU - T. THÁI NGUYÊN

Vũ Phú Cường

PHỤ LỤC 01. BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

Gói cung cấp: Thuê ngoài dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp giai đoạn 2027 - 2028

(Kèm theo Quyết định số 1093 /QĐ-CNPC ngày 30 /10/2026)

TT	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí dự toán *(đồng)*		Ghi chú
				2027	2028	
	Tổng số suất ăn			**72.820**	**72.820**	
	Tổng số lao động của Công ty			278	278	Số lao động hiện tại
	Tổng số lao động nấu ăn, cấp phát bồi dưỡng độc hại			9	9	Theo thực tế
	Mức ăn công nghiệp			30.000	30.000	Tiền ăn gồm tiền lương thực, thực phẩm và chất đốt (tối thiểu là 30.000 đồng)
I	**CHI PHÍ TRỰC TIẾP**	**T**	**A + B +C +D**	**3.841.654.125**	**3.842.761.975**	
A	**Tiền lương thực thực phẩm, gas**			**2.184.600.000**	**2.184.600.000**	
	Mua lương thực, thực phẩm chế biến, chất đốt			2.184.600.000	2.184.600.000	30.000 đồng/suất ăn
B	**Tiền lương, các loại bảo hiểm và các chi phí khác cho người lao động**			**1.483.606.728**	**1.483.606.728**	
1	***Chi phí trả lương và các khoản chi khác cho người lao động***			***1.101.600.000***	***1.101.600.000***	10.200.000 đồng/người/tháng theo QĐ 2288/QĐ-ĐLTKV
2	***BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ***			***181.989.828***	***181.989.828***	Tiền lương bình quân theo QĐ 258/QĐ-ĐLTKV, Bảng lương 01-Nhóm II * 23,5% (Mức lương BQ 7.170.600 đồng/tháng)
3	***Chi phí khác trực tiếp cho người lao động***			***200.016.900***	***200.016.900***	
	Ăn ca cho nhân viên nấu ăn			78.840.000	78.840.000	730.000 đ/ng/tháng (theo thực tế)
	Khám sức khỏe định kỳ			9.000.000	9.000.000	500.000đ/người (nữ) x 2 lần/năm
	Chi bảo hộ lao động			20.376.900	20.376.900	Số lượng theo thực tế, đơn giá theo KH 2027 được giao và tham khảo tại thời điểm lập dự toán
	Chi phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động			91.800.000	91.800.000	Bình quân 01 tháng lương
C	**Chi mua sắm, khấu hao CCDC**			**89.821.167**	**90.929.017**	

TT	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí dự toán *(đồng)*		Ghi chú
				2027	2028	
	Mua CCDC trong năm			22.157.000	23.264.850	Tạm tính vật rẻ tiền mau hỏng phải mua trong năm (thời hạn sử dụng ≤ 1 năm), tỷ lệ trượt giá 5%/năm
	Chi phí khấu hao, mua sắm bổ sung, sửa chữa thiết bị			67.664.167	67.664.167	Tạm tính theo bảng kê chi tiết
D	**Chi phí khác**			**83.626.230**	**83.626.230**	
	- Chi phí nước công nghiệp			20.400.000	20.400.000	Theo thực tế 9 tháng đầu năm 2026, bình quân 1.700.000đ/tháng
	- Nước uống cho nhân viên cấp dưỡng			9.712.230	9.712.230	Theo KH 2027 được giao: 300tr/278 người*9 người
	- Chi phí lưu mẫu thực phẩm theo từng bữa ăn			32.850.000	32.850.000	Tính theo giá trị thực phẩm 01 suất ăn ca: 30.000 đồng/bữa*3 bữa*365 ngày
	- Chi đào tạo, tập huấn ATTP			20.664.000	20.664.000	Tạm tính 02 ngày/lớp, 1.148.000đ/người/ngày
II	**CHI PHÍ CHUNG**	**C**	**T x 5.5%**	**201.751.370**	**201.751.370**	Vận dụng Thông tư 36/2026/TT-BXD
III	**THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC**	**TL**	**(T + C) x 6%**	**242.604.330**	**242.670.801**	
IV	**Chi phí trước thuế**	**G**	**T + C + TL**	**4.286.009.825**	**4.287.184.146**	
V	**Thuế VAT 8%**		**mục IV * 8%**	**342.880.786**	**342.974.732**	Lấy theo mức thuế suất tại thời điểm lập dự toán
VI	**Tổng cộng 01 năm (VI=IV+V)**			**4.628.890.611**	**4.630.158.877**	
VII	**Tổng cộng 02 năm (đã có thuế VAT)**				**9.259.049.488**	
Bằng chữ: Chín tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm tám mươi tám đồng						

PHỤ LỤC 02. KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

Gói cung cấp: Thuê ngoài dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp giai đoạn 2027 - 2028

(Kèm theo Quyết định số 1093 /QĐ-CNPC ngày 30 /10/2026)

STT	Tên gói cung cấp		Đơn vị	Số lượng	Giá gói cung cấp sau thuế *(đồng)*	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói cung cấp
	Tên gói cung cấp	Tóm tắt công việc chính của gói cung cấp								
1	Thuê ngoài dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp giai đoạn 2027-2028	Thuê ngoài dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp 2027-2028	Gói	1	9.259.049.488	Chi phí sản xuất kinh doanh	Chào hàng cạnh tranh (theo QĐ 353)	Tháng 10/2026	Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết 31/12/2028